

Bản án số: 110/2017/HSST
Ngày: 14/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA - TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc
+ *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Tuyết Hạnh và ông Nguyễn Quang Học

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- *Đại D viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia tham gia phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Trung – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 14/9/2017, tại hội R xét xử tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 107/2017/HSST ngày 14/8/2017.

* Đối với bị cáo: **Trần Văn T** (Tên gọi khác: **HN**); Sinh ngày: 16/8/1989; Nơi ĐKKTT: Thôn Z, Xã Y, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12. Con ông: Trần Văn T (đã chết); Con bà: M Thị B – Sinh năm: 1962;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 15/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp T sản”.

Nhân thân: Ngày 18/3/2010 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo biện pháp xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện T, thời gian là 24 tháng. Đến ngày 29/7/2011 T được miễn thời gian còn lại là 08 tháng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2016 đến nay.

*** Người bị hại:**

1. Hoàng Văn M - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn H, Xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

2. M Văn T – Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, Xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

3. Nguyễn Văn S – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn Z, Xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Hoàng Văn L – Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn Hà Trung, Xã Y, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá

2. M Văn B – Sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn Đ, Xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

3. Lê Đình Đ – Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Nguyễn Văn D – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn L, xã I, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn T bị VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/02/2017 đến ngày 18/02/2017, Trần Văn T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp T sản trên địa bàn huyện T, gồm:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 03 giờ ngày 07/02/2017, Trần Văn T đi chơi về thì nhìn thấy chiếc xe mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1 - 287.45 dựng trong sân nhà anh Hoàng Văn M ở thôn H, xã , huyện T. Đây là chiếc xe anh M mượn của em trai mình là Hoàng Văn L, trú tại thôn HT, xã Y, huyện Tĩnh Gia về để sử dụng. Thấy vậy T đi vào trong sân nhà anh M thì nhìn thấy một chiếc chìa khóa xe để trên cửa sổ. T đi lại lấy chiếc chìa khóa, rồi dắt chiếc xe ra bên ngoài cổng nhà anh M. Sau khi trộm cắp được chiếc xe, T tiếp tục quay lại nhà anh Hoàng Văn M tìm T sản để trộm cắp. Trần Văn T nhìn thấy 01 chiếc quần dài của anh M vắt trên ghế ở phòng giữa nhà. T đi đến lục bao quần lấy 01 chiếc điện thoại Samsung, không rõ số loại và 1.007.000 đồng trong chiếc ví, sau đó đi ra bên ngoài.

Sau khi trộm cắp được số T sản trên, Trần Văn T tắt nguồn chiếc điện thoại trộm cắp, rồi tháo sim điện thoại có số seri: 89840488441002034383 cho vào túi quần. Tiếp đó T điều khiển chiếc xe đến nhà anh Lê Văn L ở thôn HT, xã M, huyện T để gửi chiếc xe mô tô trộm cắp. Do không biết chiếc xe trên là T sản do T phạm tội mà có nên chị N đồng ý. Sau khi gửi được xe, T gọi điện cho anh U đi Taxi đón T đến quán game bắn cá N ở thôn B, xã I, huyện T. Tại đây, T bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết với giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Số tiền bán điện thoại và số tiền trộm cắp được của anh Hoàng Văn M, T đã sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai:

Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2017, Trần Văn T đang ở nhà thì nghe có tiếng ồn ào bên nhà anh Mai Văn N ở cùng thôn với T. T sang xem thì thấy anh N đang cãi nhau với anh M Văn T, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Tĩnh Gia. Lúc này, T nhìn thấy một chiếc xe mô tô Dream, BKS 36N2-9958 dựng ở ngoài cổng nhà anh N không có người trông coi, nên đã đi lại trộm cắp chiếc xe trên. Đây là chiếc xe của anh Mai Văn T mượn ông Mai Văn B là bố đẻ của anh U.

Sau khi trộm cắp được chiếc xe, T đi đến nhà anh Lê Văn L ở thôn HT, xã M, huyện T để lấy chiếc xe mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1-287.45 trộm ngày hôm trước và nhờ anh L chạy chiếc xe mô tô Dream BKS 36N2-9958 vừa trộm cắp đến Khu tái định cư xã Z, huyện T tìm nơi tiêu thụ. Đến nơi, T gọi điện thoại cho anh Đỗ Thế R, trú tại thôn Đ, xã Z, huyện T và hẹn gặp anh R tại chợ C thuộc thị trấn T. Sau khi gặp, anh R rủ T và anh L về nhà anh R chơi. Khi đi đến Thôn Đ, xã T thì cả ba nhìn thấy quán Internet của anh Lê Đình Đ đang mở cửa, nên rủ nhau vào chơi Game. Tại quán Internet, T bảo anh R hỏi xem có ai mua xe không để bán, nhưng không có ai mua. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, khi anh Đ thức dậy thì anh R đến hỏi anh Đ có mua xe không và chỉ vào chiếc xe mô tô Dream, BKS 36N2- 9958 dựng ở trước quán. Sau khi xem xe, anh Đ nói xe này khung bị một rồi chỉ mua mình máy thôi. Nghe anh Đ nói vậy, anh R bảo anh Đ đến trao đổi với T. Khi gặp T, anh Đ hỏi xe đâu mà bán thì T nói là xe của T, xe bị mất giấy tờ, vì kẹt tiền nên bán. Anh Đ nói tiếp: *“Em chỉ mua mình máy thôi, 2.000.000đ (Hai triệu đồng) anh bán không”*. T trả lời: *“Mua mình máy cũng được còn khung xe để đem về lắp vào xe cũ ở nhà”*. Sau đó, T nhận tiền rồi đi bệnh viện khám bệnh.

Khoảng một tuần sau, T đi chiếc xe mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1 - 287.45 trộm cắp ngày 07/02/2017 đến huyện S, tỉnh Thanh Hóa và gọi điện cho bạn là Lê Thiệu T và hẹn gặp T ở Nhà nghỉ Mini thuộc khu phố CT, thị trấn RT để nhờ T đi cầm cố chiếc xe trên. Tại đây, T gọi cho bạn là Nguyễn Thế A và nhờ A đem chiếc xe mô tô Airblade, màu đen đỏ, BKS 36C1- 287.45 đi cầm cố. Đến trưa cùng ngày, A cầm cố được chiếc xe và đem 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) về đưa cho T. Số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba:

Khoảng 02 giờ ngày 18/02/2017, Trần Văn T đi chơi điện tử về thì nhìn thấy nhà chị Nguyễn Thị E ở thôn Z, Xã Y - Tĩnh Gia không khóa cửa, nên nảy sinh ý định vào để trộm cắp T sản. T đi vào trong nhà thì nhìn thấy một chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769 của anh Nguyễn Văn S là chồng chị Hoa dựng ở phòng khách. Thấy vậy T đi lại dắt chiếc xe ra bên ngoài, rồi điều khiển xe chạy đến quán game của anh Nguyễn Văn D ở thôn L, xã I, huyện Tĩnh Gia.

Để có tiền chơi game, Trần Văn T nhờ Nguyễn Văn G đem chiếc xe đi tiêu thụ. G đồng ý, rồi đem chiếc xe đến bán cho anh Cao Văn D 7.000.000 đồng, sau đó đem tiền về đưa cho T 6.000.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769, anh D đem chiếc xe đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn D, trú tại thôn L, xã I, huyện Tĩnh Gia 9.000.000đ và anh

D đem chiếc xe đến gửi tại nhà anh Lê Văn C ở cùng thôn. Toàn bộ số tiền bán xe T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số: 115/CT - VKS ngày 14/8/2017 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Trần Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS.

Căn cứ vào chứng cứ T liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ. Đại D VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điểm b khoản 1, khoản 2 điều 41 BLHS và điều 33 BLHS. Điểm a, b khoản 2 điều 76 và điều 99 BLTTHS. Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt Trần Văn T từ 42 đến 48 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trả lại chiếc sim điện thoại có số Seri: 89840488441002034383 cho anh Hoàng Văn M. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn L số tiền là 39.167.000đ. Không truy thu của bị cáo T số tiền 9.507.000đ để sung quỹ nhà nước. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 03 giờ ngày 07/02/2017, Trần Văn T đã trộm cắp 01 mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1 - 287.45 của anh Hoàng Văn M (Chiếc xe này anh M mượn của em trai mình là Hoàng Văn L), 01 chiếc điện thoại Samsung, không rõ số loại và 1.007.000 đồng trong chiếc ví.

Sau khi trộm cắp được số T sản trên, Trần Văn T bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết với giá 500.000đ. Chiếc xe mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1 - 287.45 T đã nhờ người đi cầm cố được 4.000.000đ. Số tiền bán điện thoại, cầm cố chiếc xe và số tiền trộm cắp được của anh Hoàng Văn M T đã sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KLĐGTS ngày 04/3/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia kết luận:

- Chiếc xe mô tô Aiblade, màu đen đỏ, BKS 36C1-287.45 có giá trị 39.167.000 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

- Chiếc điện thoại hiệu Samsung không rõ số loại và chiếc ví da, không rõ nhãn hiệu, nên chưa đủ cơ sở định giá T sản.

Vụ thứ hai:

Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2017, Trần Văn T trộm cắp của anh M Văn T một chiếc xe mô tô Dream, BKS 36N2-9958 (Chiếc xe của anh M Văn T mượn ông M Văn B là bố đẻ của anh U).

Sau khi trộm cắp được chiếc xe, T đã bán chiếc máy xe cho anh Đ với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng). T nhận tiền rồi đi bệnh viện khám bệnh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KLĐGTS ngày 10/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: Chiếc xe mô tô Dream BKS 36N2- 9958 có giá trị 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Vụ thứ ba:

Khoảng 02 giờ ngày 18/02/2017, Trần Văn T đã trộm cắp một chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1- 8769 của anh Nguyễn Văn S.

Sau đó T nhờ Nguyễn Văn G đem chiếc xe đi tiêu thụ. G đồng ý, rồi đem chiếc xe đến bán cho anh Cao Văn D với giá 7.000.000 đồng, sau đó đem tiền về đưa cho T 6.000.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769, anh Cao Văn D đem chiếc xe đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn D với giá 9.000.000đ. Toàn bộ số tiền bán xe T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá T sản số 93/KLĐGTS ngày 23/7/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: Chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769 có giá trị 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị T sản đã định giá và số tiền mà bị cáo T trộm cắp trong ba vụ là 55.674.000 đ (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng và các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn Xã Y nói riêng và địa bàn xã huyện Tĩnh Gia nói chung, tình trạng trộm cắp T sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về T sản, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Tiền sự: Không. Tiền án 01. Ngày 15/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm, nên khi lượng hình cần phải áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 BLHS làm tình tiết tăng nặng. Để tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, làm tình tiết giảm nhẹ lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với anh Lê Văn L, chị Đỗ Thị N, anh Đỗ Thế R và anh Lê Đình Đ không biết chiếc xe mô tô BKS 36N2- 9958 và chiếc xe mô tô BKS 36C1 - 28745 là tài sản do Trần Văn T phạm tội mà có, nên hành vi của anh L, chị N, anh R và anh Đ không phạm tội .

Đối với anh Cao Văn D, anh Nguyễn Văn D và anh Lê Văn C không biết chiếc xe mô tô BKS 36U1-8769 là T sản do Trần Văn T phạm tội mà có, nên hành vi của anh D, anh D và anh C không phạm tội.

Đối với Nguyễn Văn G, Nguyễn Thế A và Lê Thiều T đang vắng mặt tại nơi cư trú. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để điều tra, nhưng chưa đủ cơ sở kết luận về hành vi của G, A và T. Khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét về phần bồi thường dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô Ablade, màu đen đỏ, BKS 36C1-287 mà bị cáo trộm cắp là T sản thuộc quyền sở hữu của Hoàng Văn L. Hiện nay chiếc xe chưa thu hồi được để trả lại cho anh L. Nay anh L yêu cầu bị cáo phải đền bù lại giá trị chiếc xe. Do đó cần phải áp dụng khoản 2 điều 41 BLHS và điểm b khoản 2 điều 76 BLTTHS để buộc bị cáo T phải trả lại cho anh L trị giá chiếc xe là 39.167.000 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

- Anh Hoàng Văn M không yêu cầu Trần Văn T bồi thường chiếc điện thoại Samsung, 01 chiếc ví da và 1.007.000 đồng. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

- Ông M Văn B đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 36N2-9958, Anh Nguyễn Văn S đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 36U1- 8769. Ông B và anh S không yêu cầu T bồi thường. Do đó hội đồng miễn xét.

- Anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000đ tiền mà anh Đ đã mua chiếc máy xe mô tô Dream, BKS 36N2- 9958. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với số tiền 9.000.000đ mà anh Cao Văn D đem chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769 đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn D. Chiếc xe này đã bị thu giữ trả cho người bị hại. Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu anh Cao Văn D phải trả lại số tiền trên. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng:

- Đối với chiếc sim điện thoại có số Seri: 89840488441002034383 của anh Hoàng Văn M do Trần Văn T trộm cắp đã làm rơi trên xe Tacxi, đang bị thu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, theo phiếu nhập kho số NK2017/91 ngày 23/8/2017. Chiếc sim điện thoại này là T sản thuộc quyền sở hữu của anh M. Do đó cần phải áp dụng khoản 2 điều 41 BLHS và điểm b khoản 2 điều 76 BLTTHS để trả lại chiếc sim điện thoại cho anh M là hoàn toàn chính xác.

- Đối với chiếc xe mô tô Dream, BKS 36N2- 9958. Ngày 26/6/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Mai Văn B.

- Đối với chiếc xe mô tô Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1-8769. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn S.

- Đối với chiếc điện thoại Samsung, không rõ số loại và 01 chiếc ví da. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để truy tìm, nhưng chưa thấy. Khi nào tìm được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 9.507.000 đồng do Trần Văn T phạm tội mà có, gồm 500.000 đồng T bán chiếc điện thoại Sam Sung và 1.007.000 đồng do trộm cắp T sản của anh Hoàng Văn M; 2.000.000 đồng do trộm cắp T sản của anh M Văn T bán cho anh Đ; 6.000.000 đồng do trộm cắp T sản của anh Nguyễn Văn S để bán cho anh Cao Văn D. Lẽ ra phải buộc bị cáo T phải trả lại số tiền trên cho anh M, anh Đ và anh Cao Văn D. Nhưng anh M, anh Đ và anh D không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Đây là số tiền bị cáo có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Do đó cần phải áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 BLHS và điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS truy thu của bị cáo T số tiền 9.507.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với 1.000.000 đồng mà Nguyễn Văn G có được do bán chiếc xe Wave RSX, màu đen - đỏ, BKS 36U1- 8769 cho anh Cao Văn D với giá 7.000.000 đồng, sau đó đem tiền về đưa cho T 6.000.000 đồng. Hiện nay G không có mặt tại địa phương do đó chưa có cơ để xử lý.

Xét về phần án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí 5 % giá ngạch theo quy định tại điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Trần Văn T 45 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 21/5/2017.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 2 điều 41 BLHS và điểm b khoản 2 điều 76 BLTTHS. Buộc bị cáo T phải trả lại cho anh Hoàng Văn L trị giá chiếc xe là 39.167.000 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

Kể từ khi anh L có đơn yêu cầu thi hành án và có quyết định thi hành án mà Trần Văn T không thi hành, thì Trần Văn T phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 41 BLHS và điểm a,b khoản 2 điều 76 BLTTHS.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn M chiếc sim điện thoại có số Seri: 89840488441002034383, đang bị thu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, theo phiếu nhập kho số NK2017/91 ngày 23/8/2017.

- Truy thu của bị cáo T số tiền 9.507.000 đồng để sung quỹ nhà nước

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Trần Văn T phải chịu 200.000^d án phí HSST và 1.958.000 đ tiền án phí 5% giá ngạch.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố thời gian kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc